

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 12 - 2022.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
- ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh
2. Ông Nguyễn Quốc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm S, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Võ Văn Nh, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003, chị Nguyễn Thị Cẩm S và anh Võ Văn Nh do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Ngày 20/10/2003, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh Nh không chăm lo làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình, mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau nhưng không thành. Hiện tại cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Chị S và anh Nh có 02 con chung tên Võ Thị Y (giới tính: nữ), sinh ngày 27/7/2004 và cháu Võ Chí Ng (giới tính: nam), sinh ngày 01/10/2012. Các cháu hiện đang sống chung với chị S. Khi ly hôn chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu cháu Ng, chưa yêu cầu anh Nh cấp dưỡng. Đối với cháu Ý đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị S vắng mặt có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời trình bày của chị S đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nh để tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh Nh đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Nh. Anh Nh cũng không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị S. Tại phiên tòa anh Nh vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm S khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Võ Văn Nh và yêu cầu được nuôi con. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con”. Bị đơn có nơi cư trú tại

huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

[1.2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Võ Văn Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị S và anh Nh nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Đối với quan hệ hôn nhân, chị S và anh Nh tự nguyện kết hôn vào năm 2003 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị S cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh Nh không thể hàn gắn, chị S không thể tiếp tục sống chung với anh Nh được nữa nên yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị S và Nh nhiều lần để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng anh Nh vắng mặt không có lý do. Đến thời điểm xét xử chị S vẫn cương quyết ly hôn. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh Nh thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, chị S và anh Nh đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay nhưng không thể hàn gắn. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị S yêu cầu xin ly hôn với anh Nh là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S. Cho chị S và anh Nh được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Xét thấy, từ khi chị S và anh Nh ly thân cho đến nay, cháu Ng sống chung với chị S, được chị S chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Cháu Ng đã hơn 07 tuổi và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị S. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu Nguyễn nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Ng cho chị S được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nh chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn do chị S chưa yêu cầu. Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Đối với cháu Y đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị S khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị S khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), đã nộp xong.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm S đối với anh Võ Văn Nh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm S và anh Võ Văn Nh.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Chí Ng (giới tính: nam), sinh ngày 01/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Cẩm S tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nh chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn do chị S chưa yêu cầu. Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Đối với cháu Võ Thị Y (giới tính: nữ), sinh ngày 27/7/2004 đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị S khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị S khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm S phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo lai thu số 0006510 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Thới Phần